

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị ven biển (Diêm Phố),
huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị tỉnh Thanh Hóa giai đoạn đến năm 2020 và giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Kế hoạch số 275/KH-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 đạt mục tiêu đô thị hóa 40% trở lên;

Căn cứ Quyết định số 4360/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070;

Căn cứ Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày ngày 12 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung đô thị ven biển (Diêm Phố), huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 2444/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Kế hoạch tổ chức lập Chương trình phát triển đô thị ven biển (Diêm Phố), huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 547/TTr-SXD ngày 22 tháng 01 năm 2025 về việc đề nghị phê duyệt Chương trình phát triển đô thị ven biển (Diêm Phố), huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số 461/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Hậu Lộc).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị ven biển (Diêm Phố), huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045, với nội dung chính sau:

1. Phạm vi lập Chương trình phát triển đô thị

- Phạm vi ranh giới lập chương trình bao gồm toàn bộ diện tích xã Đa Lộc, Hưng Lộc, Minh Lộc và Ngư Lộc (trùng với ranh giới lập đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị ven biển (Diêm Phố), huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 12/4/2024).

- Tổng diện tích lập chương trình khoảng 2.503,95 ha.

2. Chỉ tiêu phát triển đô thị theo từng giai đoạn 05 năm và 10 năm, cụ thể hóa theo từng năm trong giai đoạn 05 năm đầu của chương trình

2.1. Chỉ tiêu phát triển đô thị theo từng giai đoạn 05 năm và 10 năm

TT	Tên chỉ tiêu	Hiện trạng	Đề xuất 2025-2029	Đề xuất 2030-2040	Đề xuất 2041-2045
I	Quy mô dân số	52.811	58.500	68.000	70.000
II	Các chỉ tiêu phát triển đô thị (gồm các tiêu chuẩn thấp hơn mức tối thiểu theo tiêu chuẩn phân loại đô thị)				
1	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m ² sàn/người)	13,63	24	27	28
2	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị (m ² /người)	2,07	4	5	5
3	Mật độ đường giao thông đô thị (km/km ²)	1,27	6	7,5	8
4	Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng (%)	51,4	85	98	100
5	Mật độ đường cống thoát nước chính (km/km ²)	0,8	3,5	5,5	6
6	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%)	0	40	75	80
7	Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người (m ² /người)	3,16	9,5	14	15,33
8	Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người (m ² /người)	2,96	5	7,4	8
9	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	0	100% thực hiện tốt quy chế	100% thực hiện tốt quy chế	100% thực hiện tốt quy chế
10	Tỷ lệ giữa số lượng các tuyến phố văn minh đô thị/tổng số các tuyến phố trong đô thị	0	công nhận 40%	công nhận 90%	công nhận 100%
11	Công trình xanh được cấp giấy chứng nhận	0	1	1	1
12	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng CNC, thông minh	0	1	1	1

2.2. Chỉ tiêu phát triển đô thị theo từng năm trong giai đoạn 05 năm đầu

TT	Tên chỉ tiêu	Hiện trạng	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029
I	Quy mô dân số	52.811	53.000	54.500	55.600	57.000	58.500
II	Các chỉ tiêu phát triển đô thị (gồm các tiêu chuẩn thấp hơn mức tối thiểu theo tiêu chuẩn phân loại đô thị)						
1	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m ² sàn/người)	13,63	17	19	20	22	24
2	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị (m ² /người)	2,07	3	3	4	4	4
3	Mật độ đường giao thông đô thị (km/km ²)	1,27	3	4	5	5,5	6
4	Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng (%)	51,4	60	70	75	80	85
5	Mật độ đường cống thoát nước chính (km/km ²)	0,8	1,5	2	2,5	3	3,5
6	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%)	0	0	0	10	15	40
7	Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người (m ² /người)	3,16	5	6	7	8	9,5
8	Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người (m ² /người)	2,96	3	3,5	4	4,5	5
9	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	0	<i>xây dựng quy chế</i>	<i>thực hiện quy chế</i>	<i>50% thực hiện tốt quy chế</i>	<i>75% thực hiện tốt quy chế</i>	<i>100% thực hiện tốt quy chế</i>
10	Tỷ lệ giữa số lượng các tuyến phố văn minh đô thị/tổng số các tuyến phố trong đô thị	0	<i>ban hành tiêu chuẩn tuyến phố văn minh</i>	<i>công nhận 10%</i>	<i>công nhận 20%</i>	<i>công nhận 30%</i>	<i>công nhận 40%</i>
11	Công trình xanh được cấp giấy chứng nhận	0	0	0	1	1	1
12	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng CNC, thông minh	0	0	0	1	1	1

3. Danh mục dự án đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng ưu tiên và kiến trúc cảnh quan đô thị đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị

TT	Danh mục dự án đầu tư	Quy mô đầu tư	Tiêu chuẩn cần khắc phục	Nguồn vốn
1	Xây dựng các tuyến đường giao thông và nâng cấp, cải tạo hệ thống kênh mương xã Minh Lộc	1,33 km	Mật độ đường giao thông đô thị; Xây dựng tuyến phố văn minh đô thị	Vốn đầu tư công
2	Trục cảnh quan chính 36 m	1,06 km		Vốn đầu tư công
3	Tuyến đường giao thông vành đai phía Tây (nối từ đường Quang Hưng đi đường ven biển)	1,5 km		Vốn đầu tư công
4	Nâng cấp, cải tạo ĐT526 đi qua khu vực dân cư hiện trạng MCN 5-5, bề rộng đường là 20,5 m	9,6 km		Vốn đầu tư công
5	Nâng cấp, cải tạo ĐT526 đi qua khu vực dân cư hiện trạng MCN 5A-5A, bề rộng đường là 25 m	1,03 km		Vốn đầu tư công
6	Xây dựng hệ thống công thoát nước đô thị		Mật độ đường công thoát nước chính; Xây dựng tuyến phố văn minh đô thị	Vốn đầu tư công
7	Cải tạo, nâng cấp rãnh thoát nước, bó vỉa, lát đá vỉa hè trên các tuyến đường chính đô thị			Vốn đầu tư công
8	Cải tạo, nâng cấp các trường MN, tiểu học hiện có		Diện tích nhà ở bình quân đầu người; Đất xây dựng các công trình DVCC; Xây dựng tuyến phố văn minh đô thị;	Vốn đầu tư công
9	Xây dựng khu tái định cư TDC 08	1,46 ha		Vốn đầu tư công
10	Xây dựng hạ tầng KDC mới DCM 10	1,49 ha		Vốn đầu tư công và vốn khác
11	Xây dựng hạ tầng KDC mới DCM 05	2,67 ha		
12	Xây dựng hạ tầng KDC mới DCM 04	1,17 ha		
13	Xây dựng khu trung tâm VHTT đô thị TDTT 01	0,38 ha	Vốn đầu tư công	
14	Xây dựng khu nhà ở xã hội NOXH 01	3,4 ha	Diện tích nhà ở bình quân đầu người;	Vốn đầu tư công và vốn khác
15	Khu dịch vụ DVTH13	1,42 ha	Đất xây dựng các công trình DVCC	Ngoài vốn đầu tư công
16	Khu dịch vụ DVTH05	1,34 ha		
17	Lắp đặt, nâng cấp hệ thống chiếu sáng đô thị		Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng	Ngoài vốn đầu tư công
18	Xây dựng bộ tiêu chuẩn tuyến phố văn minh đô thị trên địa bàn đô thị		Xây dựng tuyến phố văn minh đô thị;	Vốn đầu tư công

4. Các chương trình, kế hoạch phát triển các khu vực được xác định theo quy hoạch đô thị

TT	Tên khu vực	Tính chất	Quy mô (ha)	Giai đoạn
1	Khu trung tâm đô thị	Các công trình hành chính - chính trị các xã được giữ nguyên quy mô và vị trí giai đoạn đầu. Giai đoạn sau từng bước chuyển về khu trung tâm hành chính - chính trị tập trung của đô thị;	7,97	2025-2030
2	Khu dân cư phát triển mới	Tập trung phát triển tại khu vực dọc các tuyến giao thông chính	67,07	2025-2030
		Nhà ở xã hội: có vị trí tại nút giao giữa đường bộ ven biển và đường Đa Lộc đi Quốc lộ 10, gần KCN Đa Lộc và trung tâm thương mại đô thị	3,42	2025-2045
3	Khu vực hiện trạng cải tạo	Hiện trạng cải tạo: Khu vực dân cư hiện trạng	583,25	
		Tái định cư: khoảng 5,01 ha phục vụ dự án KCN Đa Lộc, nằm phía Nam đường bộ ven biển.	5,01	2026-2030
4	Khu công trình công cộng	Khu trung tâm văn hóa mới tại khu vực phía Nam trục cảnh quan của đô thị	3,23	2025-2026
		Khu quảng trường đô thị: Phía Nam khu hành chính mới	2,54	
		Khu Y tế: Trạm y tế của các xã được giữ nguyên vị trí, cải tạo các công trình, mở rộng diện tích nhằm đảm bảo nhu cầu phục vụ của cộng đồng dân cư	0,91	2030-2045
		Bệnh viện đa khoa Diêm Phố tại vị trí phía Tây đô thị	9,88	2040-2045
		Mở rộng quy mô diện tích của phân viện II bệnh viện đa khoa Hậu Lộc tại vị trí cũ	0,45	2030-2045
		Khu giáo dục: Giữ nguyên quy mô, vị trí các trường hiện có từ trường mầm non đến trường phổ thông trung học. Bố trí 02 trường liên cấp mới tại khu vực phía Bắc và phía Tây Nam đô thị đảm bảo bán kính phục vụ	21,54	2025-2045
		Giữ nguyên vị trí khu thể dục thể thao hiện có tại khu vực các xã	1,78	2025-2045
		Bố trí 05 khu thể dục thể thao mới của đô thị tại vị trí các đơn vị ở, đảm bảo bán kính phục vụ cho người dân	5,61	2030-2045
		Bố trí 01 khu thể dục thể thao tập trung với các công trình bao gồm nhà thi đấu, sân vận động là trung tâm thể dục thể thao cấp vùng tại phía Nam	6,53	2030-2045
5	Khu chợ, DVTM,	Chợ Diêm Phố, chợ Mạnh, chợ cá Minh Lộc (chợ Hạng 3) được giữ nguyên vị trí.	321,9	2026-2030

TT	Tên khu vực	Tính chất	Quy mô (ha)	Giai đoạn
	DVTH	Xây dựng 01 chợ mới tại xã Đa Lộc,	2,46	2026-2030
		Bố trí đất dịch vụ tổng hợp cấp huyện tại vị trí dọc đường bộ Ven biển, đường tỉnh 526, dọc đường nối xã Quang Lộc đi xã Hưng Lộc, đường nối thị trấn Hậu Lộc đi xã Minh Lộc). Ngoài ra, kết hợp phát triển khu dịch vụ hậu cần phục vụ cho Khu công nghiệp Đa Lộc và cảng Lạch Sung tại phía Bắc đô thị.	77,05	2026-2045
		Các công trình dịch vụ thương mại cấp đô thị được bố trí dọc đường bộ Ven biển, đường tỉnh 526, các khu vực thuận lợi để phục vụ cho hoạt động kinh doanh, thương mại, dịch vụ	8,4	2030-2045
6	Khu vực hạn chế phát triển	Khoanh vùng bảo vệ cụm di tích lịch sử văn hóa, tôn giáo và không gian phát huy giá trị di tích.		2025-2045
		Mở rộng diện tích đền Đức Thánh Cả	7,14	2030-2045
		Khu vực không phát triển: khu đất QPAN, hành lang bảo vệ kênh De, sông Lèn, Biển Đông, hành lang bảo vệ bờ biển tại khu vực rừng ngập mặn xã Đa Lộc.		
7	Khu vực công viên cây xanh	Xây dựng 05 khu công viên cây xanh mới, phân tán trong đô thị	28,36	2030-2045
		Xây dựng 03 khu công viên chuyên đề	20,98	
		Cây xanh chuyên dụng: Khu vực dọc sông Lèn, kênh De cũng như các kênh thoát nước được cải tạo mở rộng kết hợp với hệ thống hồ điều hòa với hình thức cảnh quan cây xanh mặt nước, là không gian mở của đô thị	58	
8	Khu vực phát triển du lịch	Xây dựng 02 khu bến thuyền du lịch phục vụ du lịch biển, có vị trí tại xã Hưng Lộc và xã Đa Lộc. Bố trí các khu dịch vụ du lịch kết hợp với 2 khu bến thuyền của đô thị	4,76	2040-2045
		Giữ nguyên vị trí quy mô khu neo đậu hiện có của đô thị tại xã Ngư Lộc và xã Minh Lộc		2026-2045
9	Khu vực phát triển công nghiệp	Khu công nghiệp Đa Lộc được dự kiến triển khai các loại hình công nghiệp	254,88	2026-2045
		Đất tiêu thụ công nghiệp hiện trạng trong đô thị được giữ nguyên vị trí và quy mô các cơ sở đảm bảo tiêu chuẩn, không gây ô nhiễm môi trường.		
10	Khu vực phát triển nông nghiệp	Khu vực sản xuất nông nghiệp của đô thị ven biển được phân bố phía Tây và Đông Bắc	371,9	2025-2045

5. Các dự án phát triển đô thị sử dụng nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

5.1. Trong năm 2025

TT	Danh mục dự án ưu tiên đầu tư
1	Xây dựng các tuyến đường giao thông và nâng cấp, cải tạo hệ thống kênh mương xã Minh Lộc
2	Trục cảnh quan chính 36m
3	Tuyến đường giao thông vành đai phía Tây (nối từ đường Quang Hưng đi đường ven biển) MCN 4-4, bề rộng đường là 24m
4	Nâng cấp, cải tạo ĐT526 MCN 5-5, bề rộng đường là 20,5m
5	Nâng cấp, cải tạo ĐT526 MCN 5A-5A bề rộng đường là 25m
6	Xây dựng hệ thống cống thoát nước đô thị
7	Cải tạo, nâng cấp rãnh thoát nước, bó vỉa, lát đá vỉa hè trên các tuyến đường chính đô thị
8	Cải tạo, nâng cấp các trường MN, tiểu học hiện có
9	Xây dựng khu tái định cư TDC 08
10	Xây dựng hạ tầng KDC mới DCM 10
11	Xây dựng hạ tầng KDC mới DCM 05
12	Xây dựng hạ tầng KDC mới DCM 04
13	Xây dựng khu trung tâm VHTT đô thị TDTT 01
14	Xây dựng khu nhà ở xã hội NOXH 01
15	Khu dịch vụ DVTH13
16	Khu dịch vụ DVTH05
17	Lắp đặt, nâng cấp hệ thống chiếu sáng đô thị
18	Xây dựng bộ tiêu chuẩn tuyến phố văn minh đô thị trên địa bàn đô thị
19	Ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đô thị
20	Lập Đề án công nhận khu vực dự kiến thành lập đô thị ven biển đạt tiêu chuẩn đô thị loại V

5.2. Giai đoạn 2026 - 2030

TT	Danh mục dự án ưu tiên đầu tư
1	Xây dựng mới đường Quang Hưng ĐT1 MCN 20,5 m
2	Xây dựng mới đường ĐT8 MCN 30m
3	Đường Thị trấn - Hậu Lộc - Minh Lộc
4	Xây dựng Nhà máy xử lý nước thải công suất 5.600 m ³
5	HTKT khu công nghiệp Đa Lộc
6	HTKT khu bến thuyền du lịch
7	Khu công viên cây xanh CVCX04
8	Khu công viên cây xanh CVCX01
9	Chợ cá Đa Lộc C-02
10	Cải tạo, nâng cấp chợ Diêm Phố
11	Cải tạo, nâng cấp chợ Mành
12	Xây dựng hạ tầng KDC mới DCM 03
13	Xây dựng hạ tầng KDC mới DCM 02
14	Xây dựng hạ tầng KDC mới DCM 11
15	Xây dựng hạ tầng KDC mới DCM 06
16	Xây dựng khu tái định cư TDC 04
17	Xây dựng khu tái định cư TDC 05
18	Xây dựng khu tái định cư TDC 03
19	Khu DVTH 15
20	Khu DVTH 14
21	Khu CVCX 07
22	Nâng cấp Phân viện II BV đa khoa Hậu Lộc
23	Đề án công nhận tuyến phố văn minh đô thị
24	Lập Đề án thành lập thị trấn ven biển

5.3. Giai đoạn 2031 - 2045

TT	Danh mục dự án ưu tiên đầu tư
1	Đường vành đai Tây đoạn từ đường Quang Hưng đi KCN Đa Lộc MCN 4B-4B, bề rộng đường là 30 m
2	Đường vành đai Tây đoạn từ đường Quang Hưng đi xã Hải Lộc MCN 4-4 bề rộng đường là 24 m
3	Xây dựng mới đường QL10-Đa Lộc 30 m
4	Nâng cấp công suất nhà máy xử lý nước thải lên 8.000 m ³
5	Xây dựng trụ sở hành chính mới HC-01
6	Xây dựng khu tái định cư TDC 06
7	Xây dựng khu tái định cư TDC 01
8	Xây dựng khu tái định cư TDC 02
9	Xây dựng khu tái định cư TDC 07
10	Xây dựng hạ tầng KDC mới DCM 07
11	Xây dựng hạ tầng KDC mới DCM 08
12	Xây dựng hạ tầng KDC mới DCM 14
13	Xây dựng hạ tầng KDC mới DCM 15
14	Khu dân cư mới DCM 16
15	Khu dân cư mới DCM 17
16	Khu dân cư mới DCM 18
17	Khu dân cư mới DCM 19
18	Khu dịch vụ du lịch DVDL 02
19	Đầu tư các tour, tuyến du lịch sinh thái
20	Đầu tư nâng cấp hoàn thiện bến xe thị trấn
21	Đề án công nhận tuyến phố văn minh đô thị

6. Nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực, giải pháp, danh mục thứ tự ưu tiên các dự án đầu tư phát triển đô thị sử dụng nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công, kết quả dự kiến theo khung thời gian hàng năm, 05 năm và 10 năm

- Vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn hỗ trợ đầu tư phát triển: đầu tư các công trình mang tính chất tạo nguồn lực phát triển đô thị và đảm bảo dân sinh. Giai đoạn 2025 - 2029, nguồn vốn ngân sách sẽ đầu tư các công trình như: trường học, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Vốn huy động đầu tư (vốn tín dụng đầu tư, vốn đầu tư từ doanh nghiệp, hợp tác liên doanh, huy động của tư nhân, trái phiếu): đầu tư vào các công trình xây dựng nhà ở mới, công trình công cộng đô thị có thu như: chợ, y tế.

- Vốn thu hút từ cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trong nước, liên doanh và đầu tư trực tiếp nước ngoài sản xuất, kinh doanh: đầu tư các công trình thương mại dịch vụ, công trình dịch vụ đa chức năng.

- Dự kiến sơ bộ nhu cầu kinh phí

Giai đoạn	Tổng kinh phí (tỷ đồng)	Nguồn vốn (tỷ đồng)			
		Ngân sách tỉnh, TW	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Nguồn vốn khác
2025	327,79	89,9	85,8	53,26	98,83
2026 - 2030	849,68	124,44	113,5	68	543,74
2031 - 2045	799,99	280	115,22	51	353,77

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Hậu Lộc tổ chức thực hiện các nội dung của chương trình theo quy định của pháp luật; phối hợp với các Sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan để thực hiện các nội dung của chương trình; đồng thời giải quyết kịp thời hoặc báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện và thực hiện báo cáo tình hình thực hiện chương trình phát triển đô thị định kỳ hàng năm theo quy định.

2. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nội vụ, Giao thông vận tải, Tài chính, Công Thương, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Y tế và các Ban, Ngành, các đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao, hướng dẫn, phối hợp và kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình phát triển đô thị theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

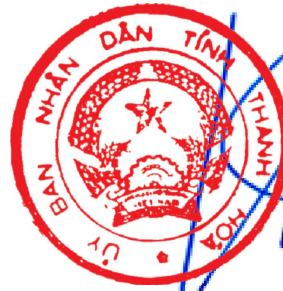
Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Hậu Lộc và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Ủy viên UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

H1.(2025)QDPDCT PTDĐT Diem Pho

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm